

SOẠN TIẾNG ANH LỚP 11 THEO TỪNG UNIT

UNIT 3: BECOMING INDEPENDENT - LANGUAGE

I. Mục tiêu bài học

1. Aims:

By the end of this lesson, students can

- learn more vocabularies about the topic
- pronounce linking between a consonant and a vowel
- Revise grammar: To-infinitives after adjectives and nouns

2. Objectives:

- vocabulary related to the topic "becoming independent, suffixes to form adjectives
- Phonics: linking between a consonant and a vowel
- Grammar: To-infinitives after adjectives and nouns

II. Soạn giải tiếng Anh lớp 11 Unit 3 Language

VOCABULARY

1. Complete the table with words that have the same roots as the adjectives in the first column. Some adjectives do not have all the corresponding word forms. Use a dictionary, if necessary. Hoàn thành bảng dưới đây bằng những từ có cùng gốc với những tính từ ở cột thứ

nhất. Một số tính từ không có dạng thức từ phù hợp. Dùng từ điền khi cần.

Đáp án

	Adjective	Noun	Adverb
1.	reliable	reliability	reliably
2.	confident	confidence	confidently
3.	independent	independence	independently
4.	self-reliant	self-reliance	self-reliantly
5.	decisive	decisiveness	decisively
6.	determined	determination	determinedly
7.	responsible	responsibility	responsibly

2. Complete the sentences with some of the words from 1. Hoàn thành câu bằng một số từ ở bài tập 1.

Đáp án

1. reliable; 5. self-reliance;
2. confidence; 6. decisively;
3. well-informed; 7. Independence;
4. responsible;

Hướng dẫn dịch:

1. Ann là một người rất đáng tin cậy. Bất cứ khi nào bạn yêu cầu cô ấy làm những việc cho bạn, bạn có thể mong đợi cô ấy làm tốt.
2. Bạn phải tin tưởng vào khả năng của bạn và tự tin vào bản thân để thành công.
3. Để giữ thông tin đầy đủ về các chủ đề hiện tại, bạn cần phải đọc báo và xem tin tức.
4. Cô ấy có thái độ rất trách nhiệm đối với công việc. Cô ấy không cần ai phải nhắc nhở về nhiệm vụ của mình.
5. Lan đã được dạy cách tự tin từ khi còn nhỏ, vì vậy cô ấy bây giờ rất độc lập.
6. Trong trường hợp khẩn cấp, bạn phải hành động rất quyết đoán.
7. Người Việt Nam kỷ niệm ngày Độc Lập ngày 2/9.

PRONUNCIATION

1. Listen and repeat the following sentences, paying attention to the linking between the words. Nghe và lặp lại những từ sau. Chú ý đến sự kết nối giữa các từ với nhau.

Bài nghe

1. He's a new student in our class.
2. He always fulfills all tasks on time.
3. He knows a lot about life and the world around.
4. Now it's time for all of us to celebrate our achievements.
5. An independent person is capable of doing things by herself.

2. Listen and link (v) the consonant sounds and the vowel sounds. Then practice reading the sentences. Nghe và kết nối phụ âm với nguyên âm, sau đó tập đọc những câu đó.

Bài nghe

Đáp án

1. Line up and wait until I tell you what to do.
2. My phone number is oh nine oh eight seven six oh four oh five (0908 760 405).
3. You could earn a lot of money if you write an interesting e-book.
4. Once upon a time, there was a frog that lived in a little pond.
5. Take a box from over there and give it to me.

GRAMMAR

1. Work in pairs. Underline the to-infinitive in the sentences you found in 4 in GETTING STARTED. Pay attention to how the infinitives are used. Làm việc theo cặp. Gạch dưới những động từ nguyên mẫu có TO trong những câu em tìm được ở bài tập 4 trong phần GETTING STARTED. Hãy chú ý đến cách dùng của các động từ nguyên mẫu có TO.

Đáp án

1. It's good to have a friend you can rely on.
2. Even our Maths teacher was very surprised to read his answer.
3. His parents must be really pleased to have such a son

4. But he still has time to read...
5. It's interesting to talk to him.
6. I really admire his ability to make decisions so quickly.
7. You're lucky to have a close friend like him.

To verb được sử dụng sau các tính từ (good; surprised; pleased; interesting, lucky) và danh từ (time, ability)

2. Rewrite the sentences using the to-infinitive. Hãy viết lại những câu dưới đây, sử dụng động từ nguyên mẫu có TO.

Đáp án

1. The little boy was afraid to jump into the pool.
2. She is proud to be the leader of the group.
3. The students were excited to hear that they had won the competition.
4. My mother was very surprised to hear that I would take part in the storytelling contest.
5. I'm sorry to disturb you.

3. Combine the sentences using to-infinitive. Dùng động từ nguyên mẫu có TO để nối những câu dưới đây.

Đáp án

1. It's unreasonable to expect that everybody will understand you.
2. It's impossible to guess what will happen.

3. It's easy to learn some simple sentences in English such as How are you? or Thank you.
4. It's necessary to take a map with you when travelling in a foreign country.
5. It's possible for you to finish the project on your own.

4. Rewrite the sentences using the nouns in brackets and a to-infinitive phrase. Dùng danh từ cho trong ngoặc đơn và một cụm động từ nguyên mẫu có TO để viết lại những câu dưới đây.

Đáp án

1. You are not ill so there's no need to stay in bed.
2. My teacher has the ability to make complicated things easy to understand.
3. His decision to take part in the contest surprised all of us.
4. I couldn't get permission to go to the party.
5. I didn't know about their plan to go to Nha Trang for the summer holidays.

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh **lớp 11** tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-11>

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 nâng cao: <https://vndoc.com/tieng-anh-pho-thong-lop-11>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 11: <https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-11>